

Bản án số: 351/2026/HS-PT

Ngày: 27-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Bà Mai Trần Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 254/HSPT ngày 13/4/2026 đối với bị cáo Phan Thị D, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 292/HS-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị D; sinh năm 1994 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); số CCCD: 046194010230; nơi thường trú: nhà số C, ngõ A, Kiệt B, đường L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường K, thành phố H); chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Tấn D1 và bà Võ Thị Đ; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/11/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam C, thuộc Trại tạm giam Bồ Lá, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hữu N, Lỗ Khắc T, Trương Minh C và Nguyễn Thị Hà N1 nhưng không liên quan đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị D nên Hội đồng xét xử không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 15/10/2024, Công an phường P (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra nhà số D, đường G, phường P (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hữu N và Nguyễn Thị Hà N1 thuê, phát hiện trong nhà có: Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Hà N1, Phan Thị D, Nguyễn Hữu N, Lỗ Khắc T, Trương Minh C, Nguyễn Văn S, Lâm Ngọc T1 có biểu hiện nghi vấn nên đưa tất cả về trụ sở Công an phường làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai đã sử dụng ma túy vào tối ngày 14/10/2024 tại địa chỉ nhà trên như sau:

Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Hữu N thuê nhà số D, đường G, phường P (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh để sống cùng nhau từ tháng 8/2024 và thường rủ bạn bè đến sử dụng ma túy. Đến tháng 9/2024, Nguyễn Thị Hà N1 đến ở cùng và góp tiền trả tiền thuê nhà với H và N. Lúc 14 giờ 30 phút ngày 14/10/2024, H có ý định sử dụng ma túy cùng N nên gọi cho Z người tên “S1” (chưa xác định lai lịch) mua 1.200.000 đồng ma túy Ketamine, không mua thuốc lắc (do H còn 02 viên thuốc lắc mua từ ngày 10/10/2024), nhưng “S1” nói H “lấy thêm 4.000.000 đồng mua ma túy Ketamine và kẹo dẻo luôn đi”, tổng cộng là 5.200.000 đồng tiền mua ma túy Ketamine và thuốc lắc. H trả lời là “không có đủ tiền và chuẩn bị đi nhậu với bạn” thì “S1” nói lấy đi cho thiếu 4.000.000 đồng mai trả, còn bây giờ chuyển khoản trước 1.200.000 đồng. H đồng ý và chuyển tiền vào số tài khoản số 19050185201013 ngân hàng T5 tên chủ tài khoản là VO THI NGA (lần 01 là 1.100.000 đồng, lần 02 là 100.000 đồng). Sau đó, “Sen” gọi cho H ra ngã 3 gần nhà H nhận ma túy, H nhờ N ra lấy ma túy. Sau khi N lấy ma túy xong thì N mang lên phòng đưa cho H 01 bịch bánh trắng, bên trong có mảnh khăn giấy được cuộn lại có 01 gói nylon chứa Ketamine và 01 gói nylon chứa 05 viên thuốc lắc (03 viên màu vàng, 02 viên màu trắng) giao cho H. Đến 17 giờ cùng ngày, H đi nhậu cùng bạn tên Kim C1 tại quán nhậu “S” gần vòng xoay P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến 22 giờ cùng ngày thì có nhóm bạn của H gồm: Phan Thị D, Lỗ Khắc T, Lâm Ngọc T1, Trương Minh C, T2 và N2 (chưa xác định danh tính, T2 là bạn của D) nhậu tại quán số 135 đường L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này T2 rủ cả nhóm qua nhà H sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. T nói D nhắn tin cho H đặt mua ma túy giúp. Diệp nhắn tin cho H nhờ mua ma túy nửa hộp 5 (Ketamine) và kẹo (05 viên thuốc lắc) để cả nhóm qua nhà H sử dụng. Do trước khi đi nhậu, H đã đặt mua ma túy của “Sen”, nên khi D nhờ mua ma túy giúp thì H nói giá tiền là 4.500.000 đồng (Do H sẽ hùn chơi ma túy cùng nhóm của D, nên H ước chừng đã trừ phần tiền hùn của H ra, phần còn lại H nói D là 4.500.000 đồng, H không được hưởng lợi gì từ việc tổ chức sử dụng ma túy này). Diệp nói lại những người trong nhóm giá tiền 4.500.000 đồng thì T nói chia tiền mua ma túy cho những người nam (nữ không phải hùn tiền), mỗi phần

1.500.000 đồng gồm T, T2 và C. Do không có tiền sẵn nên T và C nói với D ứng tiền mua ma túy trước, T và C sẽ trả tiền lại sau và D đồng ý. Riêng T2 chuyển khoản cho D 1.500.000 đồng vào số tài khoản 112929622 Ngân hàng TMCP V (V1) để mua ma túy. Sau đó D cùng T, T1, C, T2, Như qua nhà H sử dụng ma túy. Khi đến nơi thì cả nhóm lên 01 phòng tại tầng 01 (bên phải lối cầu thang đi lên), H bật nhạc để chuẩn bị sử dụng ma túy. Lúc này trong nhà có N1 đang ở trong phòng của N1, nên H rủ N1 cùng sử dụng ma túy nhưng N1 không sử dụng. H tiếp tục rủ N1 đến lần thứ 04 thì N1 sử dụng ma túy cùng nhóm H. H lấy Ketamine trong gói nylon đổ lên đĩa sứ màu trắng, để lên bếp gas đốt nóng, lấy 01 thẻ nhựa màu nâu, tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành ống hút để lên đĩa sứ. H cắn viên thuốc lắc để trong bịch làm đôi rồi lấy đưa cho D, N, N1, T, T1, C, T2, Như. Phần thuốc lắc trong túi nylon còn lại H để lại trên tủ gỗ, H dùng thẻ nhựa kẻ ma túy Ketamine rồi đưa cho từng người hút. Nhóm của H sử dụng ma túy đến 23 giờ cùng ngày, thì có Nguyễn Văn S là bạn trai của N1 nhắn tin hỏi N có đang sử dụng ma túy không thì N nói đang sử dụng ma túy. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/10/2024 thì N1 nói S qua nhà H ngủ cùng N1. S tiếp tục hỏi N1 bên chỗ N1 có ai sử dụng ma túy không thì N1 trả lời có H, N và mọi người đang chơi ma túy. S nói khoảng 20 phút nữa S đến, dặn N1 mở cửa cho S thì N1 đồng ý. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày S đến nhà H, N1 là người ra mở cửa. S gặp H thì H rủ S sử dụng ma túy, S nói không có tiền thì H nói cứ sử dụng và đưa nửa viên thuốc lắc cho S uống rồi S nằm nghe nhạc. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì mọi người tắt nhạc, S xuống phòng của N1 ngủ. Đến sáng ngày 15/10/2024 thì Công an kiểm tra hành chính như trên. Riêng T2 và N2 ra về lúc nào H và những người còn lại không biết. Ngoài lần tổ chức sử dụng ma túy trên, H, N và N1 còn tổ chức sử dụng ma túy vào các ngày cụ thể như sau:

- Ngày 01/10/2024, do buồn chuyện gia đình nên Nguyễn Văn S đến nhà H gặp N1, H và N rủ nhậu. Khi cả nhóm đang nhậu thì có người tên B là bạn của S gọi điện cho S, S rủ B đến nhà H cùng nhậu. Một lúc sau, B đến gặp S và hỏi ở đây có cho chơi ma túy không, thì S nói không biết và S nói để gọi H ra nói chuyện với B. Lúc này H đang ở nhà vệ sinh đi ra thì S nói với H “Bây muốn hỏi có cho chơi xì ke không”. H đi ra gặp B thì B hỏi “ở đây có chơi được ma túy không”, H trả lời “có”. B hỏi “có biết chỗ nào lấy đồ không” thì H nói có biết trên nhóm T3 “Những Thiên Thần Sa N3” có bán ma túy. B nói “lấy nửa hộp Ketamine và 2 con kẹo” thì H lấy điện thoại của N nhắn trên nhóm “Những Thiên Thần Sa N3” đặt mua ma túy và hẹn giao tại nhà H thuê. Sau đó, có người trong nhóm “Những Thiên Thần Sa N3” nhắn tin báo giá 2.700.000 đồng thì B đồng ý và đưa tiền mặt 2.700.000 đồng cho H. Lúc này, S đã lên phòng của N1 trên lầu, nên không nghe thấy H và B nói chuyện với nhau về việc mua ma túy. Sau khi đưa tiền cho H thì B nói có công việc nên đi một lúc sẽ quay lại. Sau đó 01 tài xế xe Grab giao hàng gọi điện thoại cho H nên H nói N xuống nhận ma túy (ma túy giấu trong túi quần áo). H lấy ma túy xào trước 01 ít và chờ B quay về, phần Ketamine và thuốc lắc còn lại H để lại cho B. Do không thấy B quay trở lại nên S gọi điện thoại cho B, thì B nói “bận việc nên cả nhóm chơi đi”,

S nói lại cho cả nhóm biết. Lúc này, H dùng thẻ nhựa kẻ mà túy cho H, N, N1, S hút phần thuốc lắc thì H đưa cho từng người sử dụng. Do B nói với S không quay lại, nên H lấy phần ma túy của B ra nấu tiếp rồi chia cho H, N, N1, S cùng sử dụng hết.

- Ngày 05/10/2024, H ngồi nhậu cùng D, T, T1, T2 và T4 (bạn của T2, chưa rõ lai lịch) thì T2 rủ sử dụng ma túy. T nói sẽ trả tiền nhậu còn tiền mua ma túy do T2 và T4 trả, sau đó cả nhóm đi về nhà H để sử dụng ma túy. Tính và T4 đưa cho H 4.500.000 đồng để mua ma túy. H dùng điện thoại của N vào nhóm "Những Thiên Thần Sa N3" trên mạng xã hội đặt mua ma túy Ketamine và thuốc lắc. Sau đó có 01 tài xế xe Grab giao hàng gọi điện thoại cho H nên H nói N ra lấy ma túy rồi N đưa cho H. H chia thuốc lắc cho từng người, đổ Ketamine ra nấu đưa cho từng người hút.

- Ngày 10/10/2024, H gọi cho Z "Sen" để đặt mua 4.000.000 đồng ma túy về sử dụng (Ketamine và thuốc lắc). H và N đã sử dụng một ít ma túy tại nhà của H. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bạn của N1 tên Q (quen ngoài xã hội, chưa xác định được lai lịch) hỏi N1 biết chỗ nào có ma túy để "chơi" không, thì N1 nói để N1 hỏi H do H có mỗi mua ma túy về chơi tại nhà H. Sau đó N1 nói với H là Q muốn qua chơi ma túy tại nhà của H thì H đồng ý. N1 thông báo cho Q thì Q đến nhà H. H nói với Q ma túy H mới mua và sử dụng một ít, H sẽ hùn vô "chơi" chung. H trừ số ma túy H đã sử dụng và số ma túy sẽ hùn vào chơi, thì số ma túy còn lại khoảng 3.300.00 đồng nên nói Q đưa cho H 3.300.000 đồng thì Q đồng ý, chuyển khoản từ tài khoản của Q tại Ngân hàng T6 số tài khoản 8731201998. Sau đó, H, N, N1, Q vào phòng của H để sử dụng ma túy. H chia thuốc lắc và đổ Ketamine ra nấu đưa cho từng người hút. Cả nhóm không sử dụng hết thuốc lắc, còn 02 viên thì H cất vào tủ nhựa trong phòng trên lầu 01 bên trái lối lên cầu thang.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 gói nylon chứa 02 viên nén do H giấu trong tủ nhựa trong lần sử dụng ngày 10/10/2024 còn lại, 02 gói nylon, 01 đĩa sứ, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 thẻ nhựa (tất cả đều dính bột màu trắng).

Kết luận giám định số 12283/KL-KTHS ngày 24/10/2024 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận: Bột được ký hiệu mẫu m cần giám định không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, đều tìm thấy Ketamine (BL210).

Kết luận giám định số 12359/KL-KTHS ngày 26/10/2024 của Phòng K - Công an Thành phố H kết luận:

- 02 viên nén được ký hiệu mẫu m1 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,8708g, loại MDMA.

- Bột được ký hiệu mẫu m2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0700g, loại MDMA.

- Bột được ký hiệu mẫu m3 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0100g, loại MDMA.

Kết quả xét nghiệm ma túy Nguyễn Thị Hà N1, Nguyễn Thị Ngọc H, Lỗ Khắc T, Phan Thị D, Nguyễn Hữu N, Trương Minh C dương tính với ma túy, loại THC, MOP.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 292/2026/HS-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Thị D 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị Hà N1, Lỗ Khắc T, Trương Minh C, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2026, bị cáo Phan Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phan Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Phan Thị D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị D, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo không tự bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thị D về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Về hình thức của bản án sơ thẩm: Phần Quyết định của bản án sơ thẩm trình bày không đúng hình thức của Bản án sơ thẩm, theo Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Tuy nó không ảnh hưởng đến quyết định của bản án, nhưng cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Lời khai của bị cáo Phan Thị D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án; phù hợp với Kết luận giám định, Biên bản khám xét, dữ liệu tin nhắn trao đổi Zalo, Sao kê tài khoản ngân hàng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 22 giờ ngày 14/10/2025, bị cáo Phan Thị D đã có hành vi liên lạc với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H để ứng trước tiền mua ma túy Ketamine và thuốc lắc, sau đó cung cấp ma túy cho H, D, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị Hà N1, Lỗ Khắc T, Trương Minh C, Nguyễn Văn S, Lâm Ngọc T1, T2 và N2 (chưa xác định danh tính) cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Thị D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Đối với 02 người trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược độc hại, đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người nghiện hút, do đó Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm khắc với những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo Phan Thị D chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Thị D, Hội đồng xét xử phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị D đã 02 lần sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H vào các ngày 05/10/2024 và 14/10/2024. Xét, Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo khi lượng hình và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề tuyên phạt bị cáo mức án 09 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 292/2026/HS-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Thị D: 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2024.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 2; (1)
- TAND Khu vực 2; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 2; (1)
- Phân trại tạm giam Cát Lái,
Trại tạm giam Bồ Lái; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang